

Số: 7024/KH-UBND

Ninh Thuận, ngày 27 tháng 12 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 3458/QĐ-BNN-TCLN ngày 03/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Nhằm đảm bảo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được đồng bộ, kịp thời, thống nhất và hiệu quả. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (*sau đây gọi tắt là Chiến lược*) với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng và giải pháp thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; đề ra phương hướng, xác định các nội dung công việc, thời gian, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai, thực hiện Chiến lược đảm bảo chất lượng, phù hợp, hiệu quả, đồng bộ, kịp thời và thống nhất nhằm phát triển lâm nghiệp toàn diện, hiệu quả, bền vững.

- Đảm bảo thực hiện có hiệu quả Chiến lược trên địa bàn tỉnh, phát triển kinh tế lâm nghiệp nhanh, bền vững trên cơ sở quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững rừng, diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp; ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị từng loại rừng, tăng giá trị rừng sản xuất trên đơn vị diện tích; góp phần đáp ứng các yêu cầu về giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó chủ động và hiệu quả với biến đổi khí hậu, chống xói mòn, chống sa mạc hóa; thu hút nguồn lực đầu tư vào lâm nghiệp; tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống cho người dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Yêu cầu

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo đầy đủ nội

dung, cụ thể hóa các định hướng và giải pháp của Chiến lược đến các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện Chiến lược.

- Các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo nội dung Kế hoạch. Nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp đối với chính quyền địa phương, chủ rừng, lực lượng Kiểm lâm và các ngành liên quan.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng ngành lâm nghiệp thực sự trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật; thiết lập, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững rừng và diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp. Phát huy tiềm năng, vai trò và tác dụng của rừng để lâm nghiệp đóng góp ngày càng quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó chủ động và hiệu quả với biến đổi khí hậu, chống xói mòn, chống sa mạc hóa, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ môi trường rừng, tạo việc làm và thu nhập cho người dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu về kinh tế:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp bình quân 2-3%/năm.
- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng: khoảng 5.088 ha đến năm 2030.
- Trồng rừng sản xuất: khoảng 1.280 ha đến năm 2030.
- Sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng phần đầu đạt 61.590 m³ vào năm 2030.

- Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng rừng tự nhiên 3.641 ha; nâng cấp nuôi dưỡng rừng trồng 1.150 ha.

- Phát triển dịch vụ môi trường rừng, đa dạng hóa và mở rộng các nguồn thu phù hợp với quy định của pháp luật; tổng thu tiền dịch vụ môi trường rừng tăng bình quân từ 1-2%/năm.

- Đến năm 2025, giá trị thu nhập từ rừng trồng sản xuất tăng 1 lần và đến năm 2030 tăng 1,5 lần/đơn vị diện tích so với năm 2020.

- Tổ chức triển khai hiệu quả các hoạt động sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi: Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng; phát triển rừng; sử dụng rừng; phát triển công nghiệp chế biến, thương mại lâm sản.

- Sử dụng có hiệu quả diện tích đất trống và đất trống có tái sinh bằng cách áp dụng các giải pháp lâm sinh như trồng mới, trồng bổ sung theo đám, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, giao khoán bảo vệ nhằm tăng độ che phủ rừng, cải tạo đất đai, nâng cao năng lực phòng hộ của rừng và bảo vệ môi trường, chống sa mạc

hóa và chắn gió, chắn cát bay.

- Xây dựng hệ thống hồ sơ và cơ sở dữ liệu về giao rừng, cho thuê rừng cho các chủ rừng để quản lý và cập nhật; quản lý hồ sơ giao rừng, cho thuê rừng một cách hệ thống từ tỉnh đến huyện, xã.

b) Mục tiêu về xã hội:

- Tạo việc làm và thu nhập, hỗ trợ sinh kế, nâng cao mức sống cho người dân làm nghề rừng, đặc biệt cho đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi, vùng sâu, vùng xa; góp phần xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn. Giảm dần số người vi phạm Luật Lâm nghiệp hàng năm khoảng 10%;

- Đến năm 2025, mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số làm lâm nghiệp tăng gấp 2 lần so với năm 2020; dự kiến đến năm 2030 tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm dưới 10%.

c) Mục tiêu về môi trường:

- Quy hoạch hài hòa các loại rừng, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia; nâng cao năng suất chất lượng các loại rừng, phấn đấu tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 đạt 49% và giữ ổn định đến năm 2030; bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó chủ động và hiệu quả với biến đổi khí hậu, chống xói mòn, chống sa mạc hóa.

- Đến năm 2030, 100% diện tích rừng của các chủ rừng là tổ chức được quản lý bền vững; nâng cao hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học và năng lực phòng hộ của rừng; giảm thiểu tối đa các vụ phá rừng, cháy rừng nghiêm trọng gây ảnh hưởng lớn về môi trường sinh thái, đời sống, xã hội của cộng đồng và an ninh môi trường.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến thực hiện Chiến lược

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt các nội dung của Chiến lược, Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, các tổ chức, cá nhân liên quan và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược đạt hiệu quả.

- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và các doanh nghiệp về các giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, bảo vệ quốc phòng, an ninh của rừng; vai trò, tầm quan trọng của rừng đối với bảo tồn đa dạng sinh học, giá trị cung ứng dịch vụ môi trường rừng, tăng trưởng xanh và sự phát triển bền vững của đất nước. Tăng cường truyền thông với nội dung phong phú và hình thức đa dạng, phát huy truyền thông hiện đại và mạng xã hội tạo sự thay đổi về nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng; chú ý yếu tố văn hóa, dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền; nâng cao nhận thức của chính quyền các cấp, đặc biệt là chính quyền cơ sở và các ngành về trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng; tuân thủ các quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn, cam kết về bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp.

- Tăng cường giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao ý thức bảo vệ rừng của người dân; vận động các hộ gia đình sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng; xây dựng và thực hiện các quy ước bảo vệ rừng; phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ môi trường rừng.

2. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách lâm nghiệp

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế chính sách hiện hành; Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và của tỉnh để kiến nghị, tham mưu trình cấp thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện theo hệ thống pháp luật về lâm nghiệp trên cơ sở Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các quy định khác có liên quan; nghiên cứu, xây dựng, triển khai các cơ chế, chính sách mới.

- Đổi mới cơ chế, chính sách nhằm huy động đa dạng các nguồn lực cho phát triển lâm nghiệp nói chung và phát triển lâm nghiệp gắn với giảm nghèo bền vững ở các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

3. Xây dựng, triển khai hiệu quả, chất lượng Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia; các Chương trình, Đề án, Dự án, Kế hoạch trọng tâm, trọng điểm phát triển ngành lâm nghiệp

- Phối hợp thực hiện, triển khai hiệu quả Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Triển khai nhiệm vụ rà soát diện tích rừng trồng ngoài 03 loại rừng để cập nhật tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai nhiệm vụ xây dựng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai Phương án quản lý rừng bền vững; xây dựng và triển khai có hiệu quả Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại các khu rừng.

- Xây dựng và triển khai Đề án/Dự án điều tra, lập hồ sơ quản lý nương rẫy đan xen trong quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các - bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030 (Chương trình REDD+).

- Triển khai hiệu quả các hạng mục nhiệm vụ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng và triển khai Đề án nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng (nếu có) trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021-2025; 2026-2030.

- Triển khai có hiệu quả Tiểu Dự án phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

giai đoạn 2021-2030.

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Đề án trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và triển khai Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển ngành lâm nghiệp hàng năm, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và triển khai Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng và chống phá rừng hàng năm và giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả các Đề án, Dự án trọng điểm phát triển ngành lâm nghiệp.

- Nghiên cứu, định hướng mở rộng lâm phần của Vườn quốc gia Phước Bình đến khu vực hồ Tân Mỹ, với mục tiêu mở rộng không gian bảo tồn và phát triển tài nguyên đa dạng sinh học; liên kết để hình thành khu vực mở rộng của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Langbiang; thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Vườn quốc gia Phước Bình.

4. Tổ chức triển khai hiệu quả các hoạt động sản xuất lâm nghiệp

a) Bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh:

- Khoanh bảo vệ rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với diện tích khoảng 83.118 ha; trong đó xác định đối tượng ưu tiên là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số.

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên với diện tích 7.398 ha, trong đó khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 3.968 ha, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung 3.430 ha.

b) Phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng rừng:

- Trồng rừng tập trung: Tổng diện tích trồng rừng tập trung kế hoạch là 6368 ha, trong đó:

- + Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng: 5.088 ha.

- + Trồng rừng sản xuất: 1.280 ha.

- Trồng cây phân tán: 6.800.000 cây.

- Các hoạt động phát triển rừng khác: Trồng cây dược liệu dưới tán rừng: 20 ha; trồng rừng mô hình: 20 ha; trồng rừng vành đai xanh: 700 ha.

- Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng rừng tự nhiên 3.641 ha; nâng cấp nuôi dưỡng rừng trồng 1.150 ha.

5. Bố trí, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành lâm nghiệp

Đa dạng các nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Chiến lược, Kế hoạch này bao gồm: nguồn ngân sách Trung ương, nguồn ngân sách tỉnh, vốn lồng

ghép từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn kinh phí dịch vụ môi trường rừng và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

6. Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đồng bộ

- Xây dựng mới, nâng cấp trụ sở làm việc: 04 trụ sở.
- Xây dựng mới Trạm bảo vệ rừng: 12 trạm.
- Sửa chữa, nâng cấp Trạm bảo vệ rừng: 26 trạm.
- Xây mới Chốt quản lý bảo vệ rừng liên ngành: 02 chốt.
- Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Chốt bảo vệ rừng: 20 chốt.
- Xây bể chứa nước phục vụ chữa cháy rừng: 20 bể.
- Xây dựng, sửa chữa cải tạo các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp phòng cháy, chữa cháy rừng: 45,8 km.
- Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa vườn ươm: 02 vườn.
- Xây dựng đường lâm nghiệp: 13 km.
- Xây dựng bảng tuyên truyền cấm lửa, cấm chặt: 221 bảng.
- Xây dựng bảng nội quy: 20 bảng.

7. Ứng dụng khoa học công nghệ và khuyến lâm

- Tăng cường ứng dụng, chuyển giao tiến bộ, khoa học công nghệ.
- Khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư, người dân đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp để bảo vệ, phát triển rừng, từng bước xã hội hóa nghề rừng, nâng cao chất lượng, trữ lượng rừng và tăng tỷ lệ che phủ rừng.
- Tiếp tục duy trì và nhân rộng mô hình giao khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, trồng rừng, các mô hình nông lâm kết hợp gắn với phát triển sinh kế bền vững cho người dân sống ven rừng.
- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ GIS, ảnh viễn thám, công nghệ thông tin trong điều tra rừng, quản lý, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát đa dạng sinh học, phòng cháy chữa cháy rừng và các hoạt động lâm nghiệp liên quan.
- Phối hợp các cơ quan liên quan trong việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất lâm - ngư kết hợp dưới tán rừng, sản xuất giống cây lâm nghiệp.
- Tăng cường đầu tư nâng cao năng lực, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát đa dạng sinh học theo hướng hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu quả, thống nhất, liên tục.

9. Tổ chức sản xuất kinh doanh, tăng cường năng lực trong công tác quản lý, đào tạo nguồn năng lực

- Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý ngành lâm nghiệp tinh gọn, thống nhất, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, chuyên

nghiệp.

- Kiện toàn hệ thống Kiểm lâm, tăng cường lực lượng Kiểm lâm địa bàn và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng.

- Rà soát, sắp xếp lại, kiện toàn Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty Lâm nghiệp; phát triển lâm nghiệp hộ gia đình, trang trại, công đồng thôn bản và hợp tác xã.

- Tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và chất lượng nguồn nhân lực ngành lâm nghiệp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

- Khuyến khích đầu tư xây dựng nhà máy chế biến lâm sản ngoài gỗ, gắn với việc ký kết hợp đồng xây dựng nguồn nguyên liệu, thu mua nguyên liệu ổn định cho người nông dân làm nghề rừng.

10. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế

Tăng cường hội nhập quốc tế về lâm nghiệp; tham gia tích cực và hợp tác chặt chẽ với các tổ chức quốc tế trong việc triển khai các chương trình, dự án, hoạt động tăng cường năng lực, chuyển giao khoa học công nghệ, nghiên cứu bảo tồn đa dạng sinh học, hợp tác trong lĩnh vực lâm nghiệp.

(Chi tiết các nhiệm vụ thực hiện Chiến lược tại Phụ lục kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan quản lý và tổ chức triển khai, thực hiện Chiến lược này trên phạm vi toàn tỉnh.

- Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án, kế hoạch ưu tiên thực hiện Chiến lược.

- Xây dựng kế hoạch, kinh phí thực hiện các hoạt động triển khai thực hiện Chiến lược hàng năm theo quy định.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, nâng cao năng lực, nhận thức về công tác bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, các hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; tổ chức sơ kết, tổng kết và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung đối với những vấn đề mới, cấp thiết; đầu mối tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế

hoạch và phân bổ các nguồn vốn để thực hiện các chương trình, đề án, dự án đầu tư phát triển ngành lâm nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương và nhu cầu của các ngành, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện Kế hoạch theo phân cấp của Luật ngân sách nhà nước.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thực hiện việc giao đất, cho thuê đất gắn với cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các tổ chức theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định vị trí, ranh giới diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp đến năm 2030 để sử dụng cho mục đích lâm nghiệp.

- Chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp cho phát triển rừng và trồng cây xanh; rà soát hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường để thực hiện hiệu quả các nội dung của kế hoạch.

5. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Ninh Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền về Chiến lược, Kế hoạch triển khai chiến lược trên địa bàn tỉnh; các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và sử dụng rừng bền vững; mở các chuyên trang, chuyên mục và tăng thời lượng đưa tin về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; biểu dương người tốt, việc tốt trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

6. Các Sở, ban, ngành khác có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai có hiệu quả Chiến lược và Kế hoạch này.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp trên địa bàn quản lý; chỉ đạo chính quyền cấp xã, lực lượng chức năng, đơn vị chủ rừng nâng cao vai trò trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định của nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Tổ chức tuyên truyền, công khai thông tin tổ chức, triển khai Chiến lược, Kế hoạch này gắn với tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về lâm nghiệp, đất đai và các quy định khác có liên quan để người dân biết, hiểu, nhận thức và chấp hành đúng quy định; chú trọng việc xây dựng phong trào quần chúng

bảo vệ rừng trong từng cộng đồng dân cư; khuyến khích, vận động người dân tham gia đấu tranh, ngăn chặn và tố giác các hành vi phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp.

- Nghiên cứu cơ chế huy động nguồn lực của địa phương và vốn ngoài ngân sách phù hợp với điều kiện của địa phương để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Chiến lược, Kế hoạch này; thực hiện lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ Chiến lược.

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn quản lý; thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch hàng năm và gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/cáo);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/cáo);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Các đơn vị chủ rừng;
- Báo Ninh Thuận, Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. HC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

Phụ lục

**THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN**

(Kèm theo Kế hoạch số 7024/KH-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
I	TỔ CHỨC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC				
1	Tuyên truyền, phổ biến nội dung Chiến lược, Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược; tăng cường giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng, pháp luật lâm nghiệp.	Sở NN và PTNT	UBND các huyện, thành phố; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	Hàng năm
II	THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NGÀNH LÂM NGHIỆP				
1	Tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành; Luật lâm nghiệp 2017, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật lâm nghiệp 2017.	Sở NN và PTNT	UBND các huyện, thành phố; cơ quan, đơn vị khác có liên quan		Hàng năm
2	Triển khai thực hiện các cơ chế chính sách mới.				
2.1	Triển khai Nghị định về chính sách đầu tư bảo vệ và Phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản.	Sở NN và PTNT	UBND các huyện, thành phố; Sở Công thương; cơ quan, đơn vị khác có liên quan		2022-2030
2.2	Triển khai chính sách thúc đẩy xã hội hóa nghề rừng, quản lý rừng tự nhiên, phát triển lâm nghiệp cộng đồng, dịch vụ môi trường rừng.	Sở NN và PTNT	UBND các huyện, thành phố; cơ quan, đơn vị khác có liên quan		2021-2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
2.3	Triển khai chính sách cung ứng dịch vụ sự nghiệp công đối với các đơn vị chủ rừng.	Sở NN và PTNT	Đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan		2021-2030
2.4	Thực hiện chính sách khuyến khích đổi mới, sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ, chế biến sâu, phát triển sản phẩm từ gỗ và lâm sản ngoài gỗ, thương hiệu và thị trường trong lâm nghiệp.	Sở NN và PTNT	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương; Sở Kế hoạch và Đầu tư; cơ quan, đơn vị khác có liên quan		2021-2030
2.5	Thực hiện cơ chế chính sách đầu tư, thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lâm nghiệp.	Sở NN và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; cơ quan, đơn vị khác có liên quan		2021-2030
2.6	Thực hiện cơ chế, chính sách bảo hiểm trong lâm nghiệp, bảo hiểm rừng trồng.	Sở NN và PTNT	Cơ quan, đơn vị khác có liên quan		2021-2030
3	Thực hiện thí điểm các mô hình sản xuất, dịch vụ lâm nghiệp để làm cơ sở tổng kết, đánh giá, xây dựng mới các cơ chế, chính sách về lâm nghiệp.	Sở NN và PTNT	Cơ quan, đơn vị khác có liên quan		2021-2030
III	XÂY DỰNG, TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ, CHẤT LƯỢNG QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH LÂM NGHIỆP				
1	Phối hợp thực hiện, triển khai hiệu quả Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	2021-2022	2021-2030
2	Xây dựng và triển khai Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	2021-2022	2021-2030
3	Triển khai nhiệm vụ rà soát diện tích rừng trồng ngoài 03 loại rừng để cập nhật tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	2021	2021

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
4	Triển khai nhiệm vụ xây dựng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	2021-2022	2021-2030
5	Triển khai Phương án quản lý rừng bền vững; xây dựng và triển khai có hiệu quả Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại các khu rừng.	Các đơn vị chủ rừng	Các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan	2021-2022	2021-2030
6	Xây dựng và triển khai có hiệu quả các Chương trình, Đề án, Dự án trọng điểm phát triển ngành lâm nghiệp				
6.1	Đề án/Dự án điều tra, lập hồ sơ quản lý nương rẫy đan xen trong quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	2021-2022	2022-2025
6.2	Triển khai Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các - bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030 (Chương trình REDD+).	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	2021-2030	2021-2030
6.3	Triển khai hiệu quả các hạng mục nhiệm vụ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	2021-2030	2021-2030
6.4	Đề án nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng (nếu có) trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021-2030	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	2022-2023	2022-2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
6.5	Đề án/Dự án kiểm kê rừng, điều tra rừng tỉnh Ninh Thuận.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	2022-2023	2022-2025
6.6	Đề án thí điểm cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	2022-2023	2022-2025
6.7	Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	2021 - 2022	2021-2030
6.8	Đề án phát triển giống cây lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở NN và PTNT	Đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2022-2023	2022-2030
6.9	Triển khai có hiệu quả tiêu Dự án phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	Sở NN và PTNT	Ban dân tộc, các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan		2021-2030
6.10	Đề án lập hồ sơ và cắm mốc ổn định ranh giới 03 loại rừng (cho các khu vực điều chỉnh môi hoặc những nơi chưa cắm).	Sở NN và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2026	2026-2027
6.11	Đề án ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, GPS ... trong phân loại, xác định tên cây rừng, tên gỗ phục vụ cho quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về bảo vệ rừng.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	2026-2030	2026-2030
6.12	Đề án điều tra tổng thể diện tích cây xanh đô thị, cây xanh trong các khu vực công nghiệp, đường giao thông, khu dân cư trên địa bàn toàn tỉnh làm hồ sơ cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, theo dõi và đề xuất phát triển.	Sở NN và PTNT	UBND huyện, thành phố; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2026-2030	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
6.13	Đề án điều tra, đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội ở các khu vực có điểm nóng về mất rừng, suy thoái rừng và xây dựng các mô hình sinh kế bền vững gắn với công tác bảo vệ rừng của cộng đồng địa phương.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	2022-2025	2022-2025
6.14	Đề án xây dựng và triển khai thí điểm mô hình đồng quản lý bảo vệ rừng gắn với chia sẻ lợi ích lâm sản ngoài gỗ với cộng đồng địa phương.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	2021-2025	2021-2025
6.15	Đề án điều tra, giám sát đa dạng sinh học cho các khu rừng đặc dụng của tỉnh.	Sở NN và PTNT	Đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2021-2030	2021-2030
6.16	Đề án xây dựng hệ thống giám sát rừng tự động phát hiện cháy rừng và ứng dụng công nghệ cao trong giám sát rừng phát hiện mất rừng, suy thoái rừng của tỉnh.	Sở NN và PTNT	Đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2021-2030	2021-2030
6.17	Dự án "Bảo tồn, cứu hộ, phát triển sinh vật và giáo dục môi trường" cho các khu rừng đặc dụng của tỉnh.	Sở NN và PTNT	Đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2021-2030	2021-2030
6.18	Đề án điều tra, đánh giá toàn bộ diện tích rừng thuộc đối tượng có khả năng đưa vào nuôi dưỡng, làm giàu rừng của tỉnh và đề xuất giải pháp phục hồi.	Sở NN và PTNT	Đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2021-2025	2021-2025
6.19	Đề án điều tra, xây dựng bản đồ phân dạng lập địa đất lâm nghiệp cho các vùng sản xuất lâm nghiệp trọng điểm của tỉnh phục vụ phục hồi và phát triển rừng.	Sở NN và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường; chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2021-2025	2021-2025
6.20	Đề án nghiên cứu giải pháp tổng hợp phục hồi và phát triển bền vững hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn nhằm giảm thiểu nguy cơ lũ quét và sạt lở đất.	Sở NN và PTNT	Đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2026-2030	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
6.21	Đề án xây dựng bộ cơ sở dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng sản xuất; quản lý nguyên liệu và sản xuất sản phẩm lâm sản từ gỗ rừng trồng.	Sở NN và PTNT	Sở Khoa học và Công nghệ; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2026-2030	2026-2030
6.22	Dự án hỗ trợ trồng cây phân tán để triển khai thực hiện Đề án trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	2021-2025	2021-2025
6.23	Đề án phát triển tài nguyên cây dược liệu trong môi trường rừng của tỉnh.	Sở NN và PTNT	Đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2021-2025	2021-2025
6.24	Đề án xây dựng hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh.	Sở NN và PTNT	Sở Khoa học và Công nghệ; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2026-2030	2026-2030
6.25	Dự án nâng cao năng lực phát triển ngành chế biến gỗ và lâm sản bền vững, hiệu quả giai đoạn đến năm 2030.	Sở NN và PTNT	UBND các huyện, thành phố; chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2026-2030	2026-2030
6.26	Đề án xây dựng mô hình liên kết, hợp tác giữa người dân trồng rừng và các doanh nghiệp chế biến lâm sản nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực cạnh tranh trong tiêu thụ sản phẩm lâm nghiệp của tỉnh.	Sở NN và PTNT	UBND các huyện, thành phố; đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2021-2025	2021-2025
6.27	Đề án điều tra, xác định bổ sung đối tượng chi trả dịch vụ môi trường rừng của tỉnh để thực hiện việc chi trả đầy đủ theo quy định của Luật lâm nghiệp.	Sở NN và PTNT	Quỹ bảo vệ và PTR tỉnh; đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2021-2025	2021-2025
6.28	Đề án xây dựng và triển khai thí điểm mô hình liên kết, cho thuê môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong khu rừng đặc dụng, phòng hộ trên địa bàn tỉnh.	Sở NN và PTNT	Quỹ bảo vệ và PTR tỉnh; đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2021-2025	2021-2025

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
6.29	Đề án điều tra, xác định trữ lượng các bon của rừng làm cơ sở triển khai dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững.	Sở NN và PTNT	Đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2026-2030	2026-2030
6.30	Đề án cập nhật bổ sung bản đồ chi trả DVMTR hàng năm.	Sở NN và PTNT	Quỹ bảo vệ và PTR tỉnh; chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2021-2025	2021-2025
7	Triển khai thực hiện hiệu quả các Kế hoạch.				
7.1	Kế hoạch hành động bảo tồn các loài sinh vật nguy cấp, quý, hiếm bị đe dọa tuyệt chủng.	Sở NN và PTNT	Các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2022-2023	2022-2030
7.2	Kế hoạch phát triển ngành lâm nghiệp hàng năm, trung hạn các giai đoạn 2021-2025, 2026-2030; kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn 2021-2025, 2026-2030	Sở NN và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2021-2022; 2025-2026	2021-2025; 2026-2030
IV	TỔ CHỨC TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP				
1	Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng.				
1.1	Quản lý bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng, đảm bảo an ninh nguồn nước; hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích ngoài lâm nghiệp.	Sở NN và PTNT	UBND các huyện; các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan.	Hàng năm	Hàng năm
1.2	Thực hiện việc giao đất, cho thuê đất gắn với cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các tổ chức theo quy định của pháp luật.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở NN và PTNT; UBND các huyện; các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
1.3	Xây dựng các mô hình gắn kết cộng đồng địa phương tham gia và chia sẻ lợi ích công bằng vào công tác quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.	Sở NN và PTNT	UBND các huyện; các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2022 - 2023	2022 - 2030
1.4	Thực hiện các nhiệm vụ điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng tỉnh Ninh Thuận.	Sở NN và PTNT	UBND các huyện; các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
1.5	Triển khai phát triển lâm nghiệp cộng đồng, gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, lấy người dân làm trung tâm.	Sở NN và PTNT	UBND các huyện; các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2	Phát triển rừng.				
2.1	Đẩy mạnh nghiên cứu, chọn, tạo và chuyển giao giống cây trồng lâm nghiệp, cây bản địa, ưu tiên phát triển giống được sản xuất từ cây mô, hom để trồng rừng sản xuất.	Sở NN và PTNT	Các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.2	Phục hồi rừng tự nhiên bằng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, nuôi dưỡng và làm giàu rừng.	Sở NN và PTNT	Các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.3	Phát triển hệ thống rừng đặc dụng, bảo tồn và phát huy giá trị nguồn gen cây rừng, tài nguyên rừng và đa dạng sinh học; duy trì và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ.	Sở NN và PTNT	Các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.4	Phát triển nông lâm kết hợp, các loài cây trồng rừng đa mục đích, lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hóa.	Sở NN và PTNT	Các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
3	Sử dụng rừng.				
3.1	Triếp tục thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên, không khai thác gỗ từ rừng tự nhiên; sử dụng dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học, các nguồn gen, loại sinh vật và hệ sinh thái rừng.	Sở NN và PTNT	Đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
3.2	Nghiên cứu Phương án khai thác hợp lý rừng phòng hộ là rừng trồng sau năm 2025.	Sở NN và PTNT	Đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2025 - 2026	2025 - 2030
3.3	Phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu; đẩy mạnh các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, khai thác các tiềm năng, các dịch vụ mới để tăng nguồn thu, đặc biệt là dịch vụ du lịch sinh thái, các dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các - bon.	Sở NN và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Quỹ bảo vệ và PTR tỉnh; các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2025 - 2030
3.4	Đẩy mạnh gây trồng, sử dụng lâm sản ngoài gỗ, tập trung vào các nhóm sản phẩm có thể mạnh, có giá trị kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế của các vùng.	Sở NN và PTNT	Đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
3.5	Nghiên cứu cơ chế, chính sách để chủ rừng được quản lý, khai thác, phát triển và sử dụng bền vững lâm sản ngoài gỗ.	Sở NN và PTNT	Đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
V	BÓ TRÍ, HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÀNH LÂM NGHIỆP				
1	Đa dạng nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Chiến lược, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định.	Sở NN và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2	Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn thực hiện Chiến lược.				
2.1	Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho ngành lâm nghiệp theo các cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn thực hiện Chiến lược.	Sở NN và PTNT	Sở Tài Chính; các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.2	Huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển trong và ngoài nước vào lĩnh vực lâm nghiệp, bảo vệ và phát triển rừng; phát triển cây xanh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở NN và PTNT; UBND các huyện, thành phố; các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
2.3	Tiếp tục nghiên cứu mở rộng các nguồn thu cho ngành lâm nghiệp; khai thác các tiềm năng dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ mới, du lịch sinh thái, dịch vụ hấp thụ các bon, ...	Sở NN và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thành phố; chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
VI	XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐỒNG BỘ VÀ HIỆN ĐẠI HÓA NGÀNH LÂM NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ LOGISTICS				
1	Phát triển hệ thống đường lâm nghiệp gắn kết vùng nguyên liệu quy mô, tập trung với nhà máy chế biến; giảm chi phí vận chuyển, tăng giá trị sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ.	Sở NN và PTNT	UBND các huyện; các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2	Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng logistics, kho bãi phục vụ phát triển sản xuất, bảo quản và chế biến lâm sản.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở NN và PTNT; UBND các huyện, thành phố; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
VII	PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHUYẾN LÂM				
1	Tăng cường nghiên cứu; ứng dụng, chuyển giao tiến bộ, khoa học công nghệ.				
1.1	Tham mưu UBND tỉnh, Hội đồng khoa học tỉnh xem xét ưu tiên các định hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đáp ứng yêu cầu của sản xuất và thị trường, khuyến khích đổi mới, sáng tạo để tạo ra các giá trị và sản phẩm mới có sự tham gia của các chủ rừng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở NN và PTNT; chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
1.2	Áp dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, chế biến sâu, tiết kiệm nguyên liệu; khuyến khích phát triển các vật liệu mới thay thế gỗ, kết hợp gỗ nhựa, gỗ kim loại, ...	UBND các huyện, TP	Cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
1.3	Tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong điều tra và quản lý tài nguyên rừng.	Sở NN và PTNT	Các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
2	Xây dựng các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ; tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức.	Sở NN và PTNT	Sở Khoa học và Công nghệ; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.1	Xây dựng các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ tập trung một số lĩnh vực ưu tiên trong lâm nghiệp.	Sở NN và PTNT	Sở Khoa học và Công nghệ; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
2.2	Xây dựng, thực thi chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của tỉnh qua tài khoản ngân hàng nhằm rút ngắn thời gian chi trả, minh bạch, khách quan, đảm bảo trả đúng, trả đủ kinh phí theo quy định.	Sở NN và PTNT	Quỹ bảo vệ và PTR tỉnh; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2021-2025	2021-2025
3	Tăng cường năng lực hệ thống nghiên cứu và khuyến lâm.				
3.1	Tăng cường đầu tư nâng cao năng lực, hoàn thiện hệ thống điều tra, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	Sở NN và PTNT	UBND các huyện; các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
3.2	Thực hiện kết hợp nghiên cứu với đào tạo và khuyến lâm, giữa sản xuất và chế biến tiêu thụ sản phẩm tạo thành chuỗi nghiên cứu khép kín trong đào tạo.	Sở NN và PTNT	UBND các huyện; các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
VIII	TỔ CHỨC SẢN XUẤT KINH DOANH, TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐÀO TẠO				
1	Tăng cường nhân lực trong công tác quản lý.				
1.1	Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý ngành lâm nghiệp tinh gọn, thống nhất, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, chuyên nghiệp.	Sở NN và PTNT	UBND các huyện; chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan.	Hàng năm	2021-2030
1.2	Kiện toàn hệ thống Kiểm lâm, tăng cường lực lượng Kiểm lâm địa bàn và lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách.	Sở NN và PTNT	Sở Nội vụ; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
1.3	Rà soát, sắp xếp lại, kiện toàn các ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ theo hướng tinh gọn, hiệu quả.	Sở NN và PTNT	Sở Nội vụ; chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan.	Hàng năm	2021-2030
2	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý ngành lâm nghiệp chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả.	Sở NN và PTNT	Đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan.	Hàng năm	2021-2030
3	Tổ chức sản xuất kinh doanh.				
3.1	Phát triển các hình thức liên kết giữa các thành phần kinh tế, kinh tế hợp tác, kinh tế chia sẻ trong lâm nghiệp.	Sở NN và PTNT	Các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
3.2	Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty lâm nghiệp; phát triển lâm nghiệp hộ gia đình, trang trại, cộng đồng thôn bản và hợp tác xã.	Sở NN và PTNT	cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
3.3	Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các hội, hiệp hội ngành hàng phù hợp với nền kinh tế thị trường.	Sở Công thương	UBND các huyện, TP; Sở NN Và PTNT; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
3.4	Phát triển các mô hình sinh kế giúp cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo vệ và phát triển rừng.	Sở NN và PTNT	UBND các huyện; các đơn vị chủ rừng; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
3.5	Phát triển các mô hình bảo hiểm trong lâm nghiệp, bảo hiểm rừng trồng.	Sở NN và PTNT	cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Hàng năm	2021-2030
IX	TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ				

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện
1	Tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế về lâm nghiệp; tham gia tích cực và hợp tác chặt chẽ với các tổ chức lâm nghiệp quốc tế, khu vực và song phương về triển khai các chương trình, dự án, hoạt động tăng cường năng lực, chuyển giao, hợp tác trong lĩnh vực lâm nghiệp.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
2	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả, trách nhiệm các thỏa thuận đa phương, các cam kết quốc tế liên quan đến lâm nghiệp.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030
X	TỔ CHỨC GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CHIẾN LƯỢC				
1	Xây dựng bộ chỉ số theo dõi và quy trình giám sát, đánh giá Chiến lược, Kế hoạch.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	2022	2022-2030
2	Xây dựng, triển khai Dự án tăng cường năng lực thực hiện Chiến lược Phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	Hàng năm	Hàng năm
3	Theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	Hàng năm	Hàng năm
4	Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược.	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan	Hàng năm; 5 năm; 10 năm	Hàng năm; 5 năm; 10 năm